

Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.60	154.00	154.45	154.75	154.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					8.38	8.12	7.75	7.32	6.85
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					5.38	4.12	3.75	5.32	6.85
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	652.80	952.81	952.82	652.81	652.80	652.80	652.85	652.85	652.85
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	2.50	1.30	1.40	1.00	0.99	0.90	0.78	0.63	0.47
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				69.02	69.03	69.03	69.03	69.03	69.04
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				9.00	12.43	10.85	10.04	11.07	12.01
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				10.50	10.50	10.50	10.50	10.50	10.50
Núi Một	Mức nước (H, m)				37.20	37.20	37.20	37.20	37.20	37.20
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.70	0.69	0.65	0.59	0.52	0.45
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.62	60.60	60.60	60.60	60.60	60.60
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.23	0.30	0.28	0.24	0.20	0.15
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.96	24.85	24.80	24.75	24.65	24.55
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				59.67	57.28	56.49	55.47	54.31	53.06
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				50.53	64.67	64.67	64.67	64.67	64.67

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 767.15 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.74 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.21 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.82 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.04 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.96 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 0.00 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 652.81 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 69.02 m
- Lưu lượng đến hồ: 9.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 37.20 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.70 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 60.62 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.23 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 24.96 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa